TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 627/2022/HNGĐ -ST
Ngày: 26-05-2022
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

/- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Cảnh Liêm
  Ông Nguyễn Ron
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương

Thư ký Toà án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- ***Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa***:

Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên

***

Ngày 26 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2021/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/04/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/04/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Huỳnh N, sinh năm:1997; Địa chỉ: Tổ 10, khu phố C, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên (vắng mặt, có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Lê Minh N1, sinh năm: 1982; Địa chỉ: hẻm 44, đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2021 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lê Thị Huỳnh N trình bày: Năm 2016, chị và anh N1 tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống đến tháng 3/2021, chị với anh N1 bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn do không hợp tính tình dẫn đến bất đồng quan điểm, lối sống, anh N1 hay xúc phạm gia đình chị, ngoài ra, anh N1 còn gây ra nợ nần, làm cho kinh tế gia đình khó khăn. Chị và anh N1 đã ly thân từ tháng 3/2021 đến nay không có tình cảm, trách nhiệm với nhau. Nay chị xác định tình cảm của chị đối với anh N1 không còn nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận chị và anh N1 là vợ chồng. Hiện nay chị đã xin việc làm mới ở xa nên chị làm đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt chị.

Về con chung: Chị và anh N1 02 con chung tên Lê Thiện Q, sinh ngày 08/8/2017, sức khỏe tốt, hiện đang ở với anh N1; Lê Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 17/6/2021, sức khỏe tốt, hiện đang ở với chị, chị thống nhất giao cháu Q cho anh N1 nuôi dưỡng, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Minh N1: không nộp bản tự khai và vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận chị N và anh N1 là vợ chồng và giải quyết về nuôi con chung của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 14, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa chị N vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng anh N1 Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn

theo khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị Huỳnh N và anh Lê Minh N1 chung sống với nhau từ năm 2016 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Chị N và anh N1 chung sống với nhau đến tháng 03/2021 thì phát sinh mâu thuẫn nên cả hai tự chấm dứt cuộc sống chung, chị N về nhà cha mẹ ruột ở từ đó đến nay. Nay chị N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh N1.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh N1 chung sống N vợ chồng mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị N là hoàn toàn phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N và anh N1 có 02 người con chung tên Lê Thiện Q, sinh ngày 08/8/2017, sức khỏe tốt, hiện đang ở với anh N1; cháu Lê Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 17/6/2021, sức khỏe tốt, hiện đang ở với chị N. Chị N thống nhất giao cháu Q cho anh N1 nuôi dưỡng, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Sự thoả thuận trên của đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh N1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình, anh N1 không phải chịu án phí.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 9, 14, 58, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Không công nhận chị Lê Thị Huỳnh N và anh Lê Minh N1 là vợ chồng.

2. **Về nuôi con chung**: Giao cháu Lê Thiện Q, sinh ngày 08/08/2017 cho anh Lê Minh N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 17/06/2021 chị Lê Thị Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh N1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3.**Về tài sản chung**: Chị N, anh N1 không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003087 ngày 18/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn (Chị N đã nộp xong).

Quyền kháng cáo: Chị N, anh N1 vắng mặt tại phiên toà nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Minh Hòa